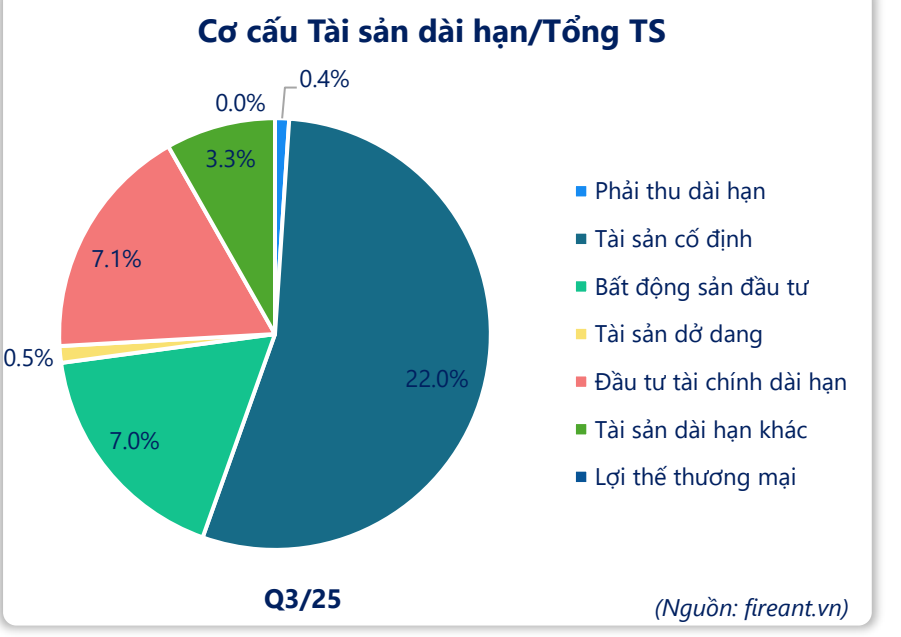
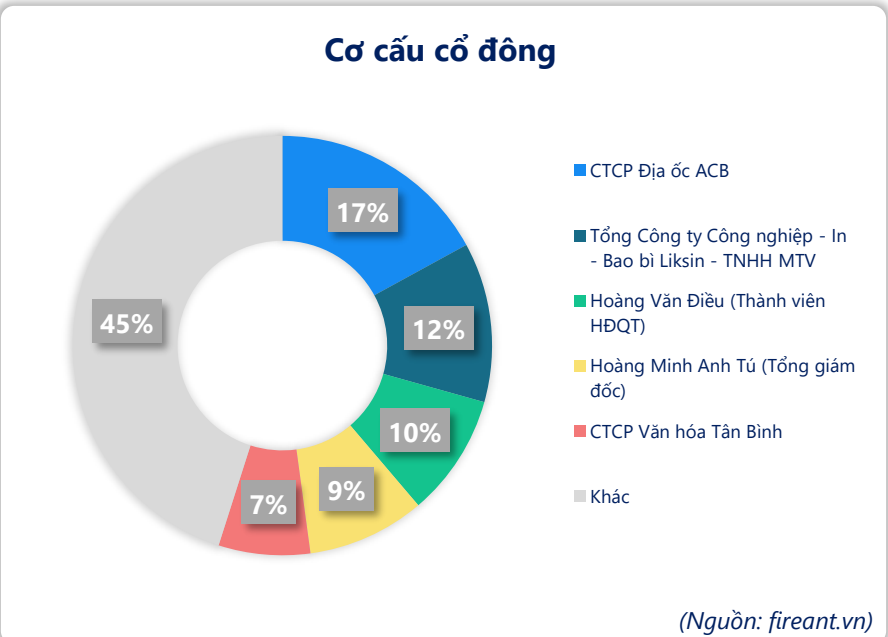
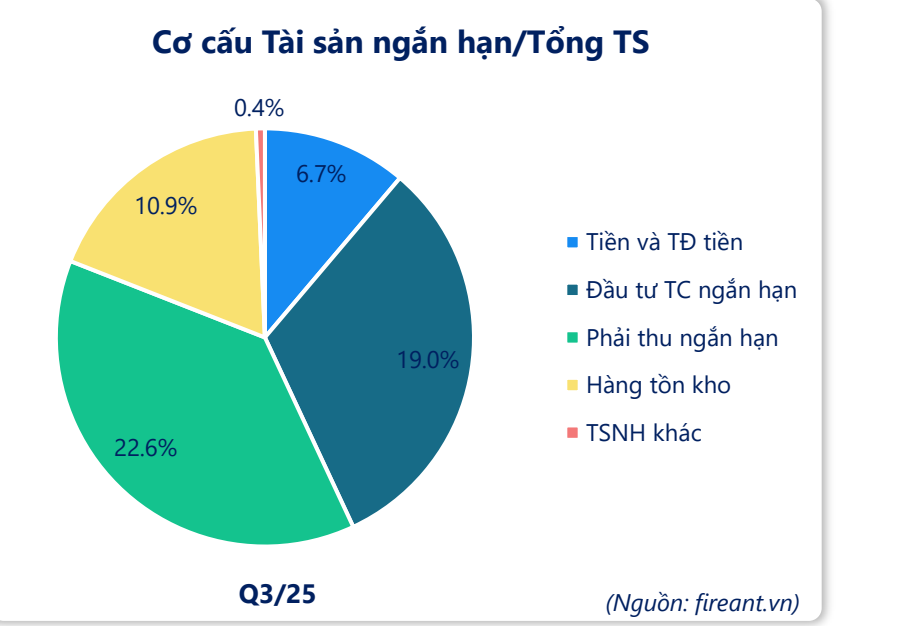
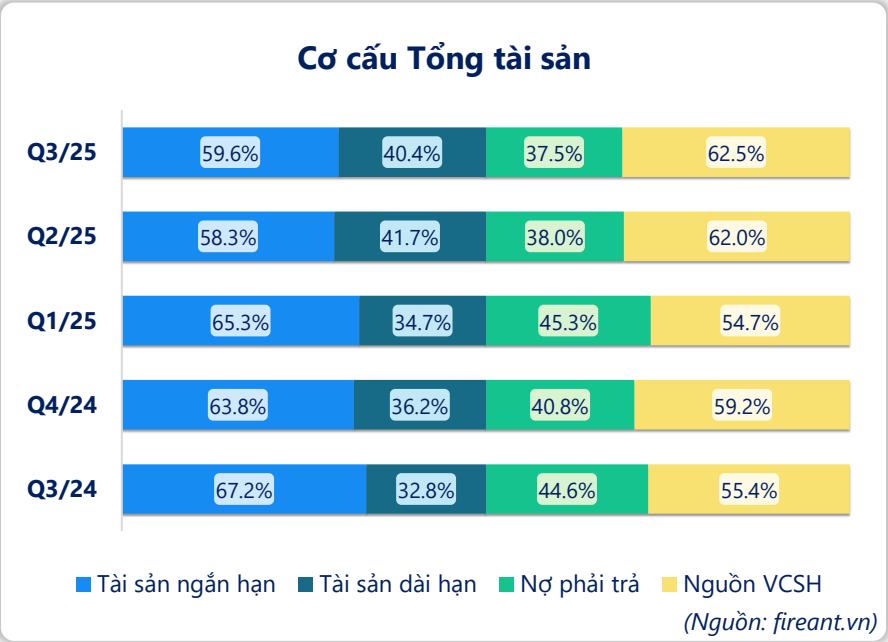
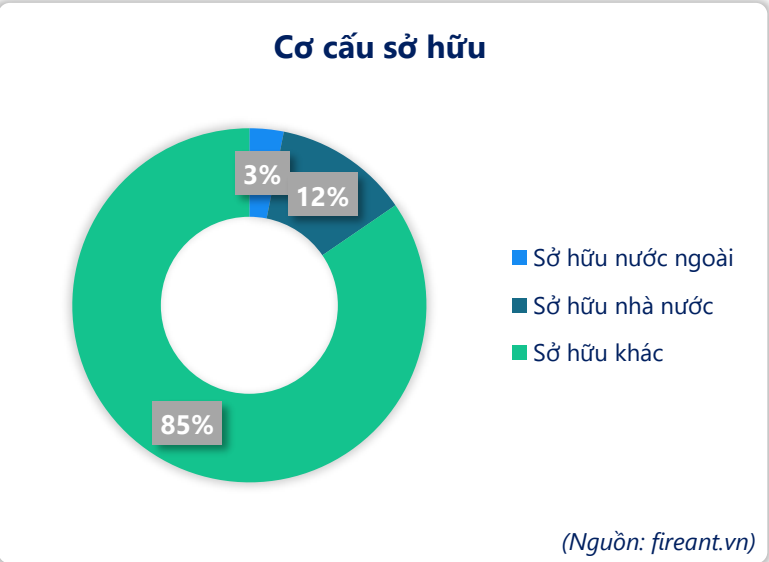
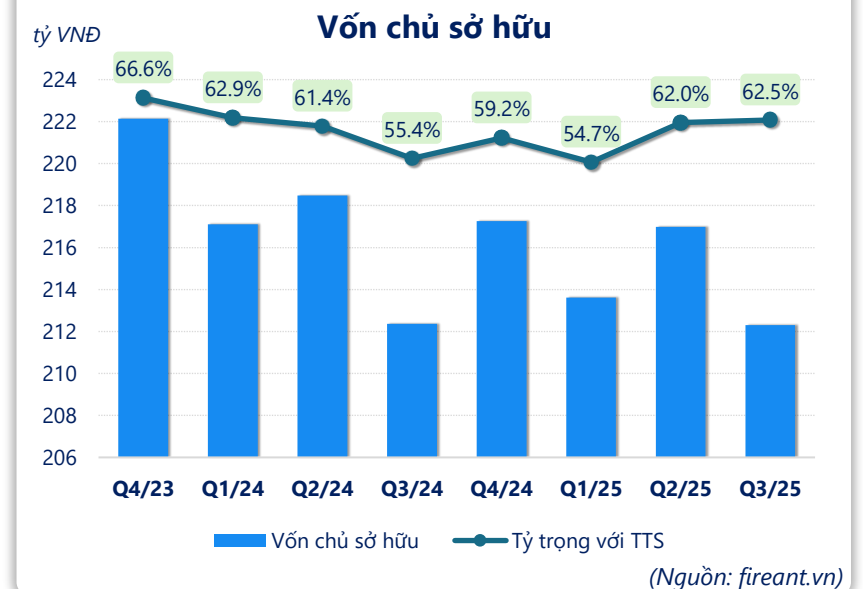
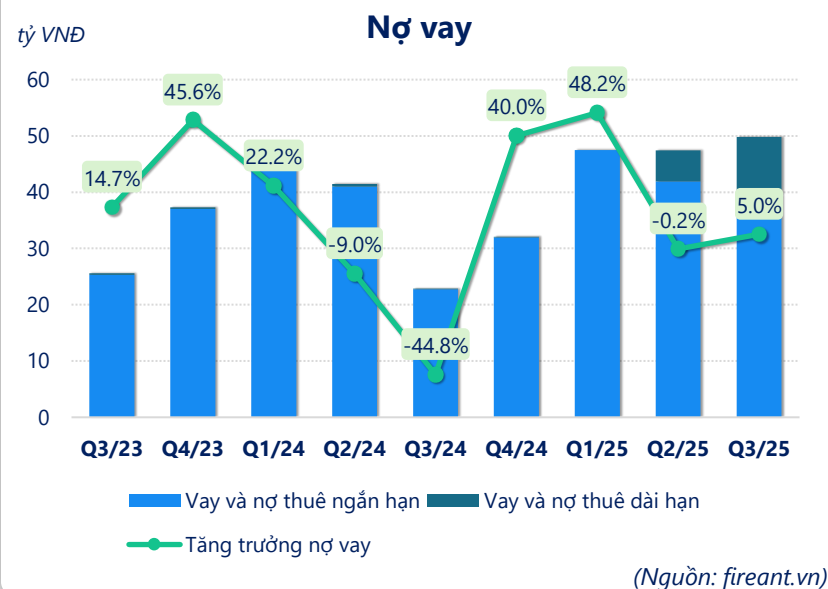
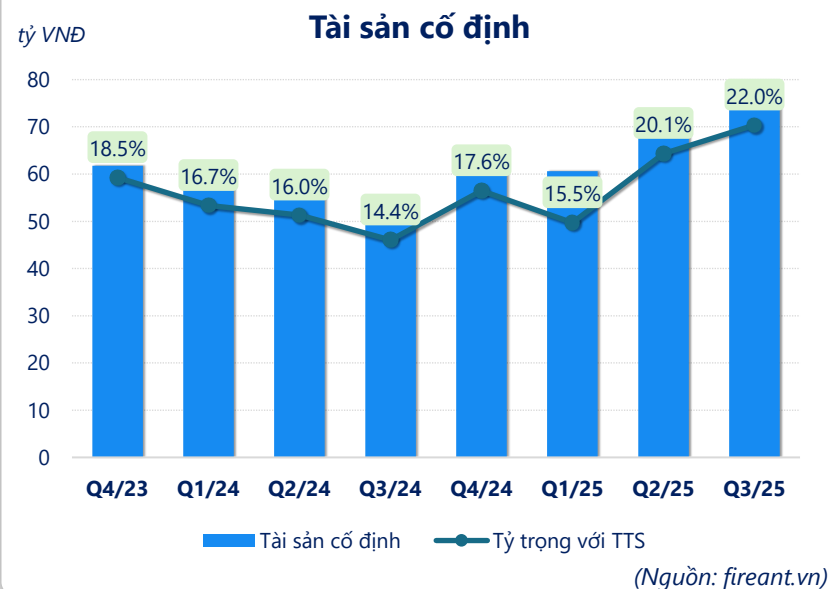
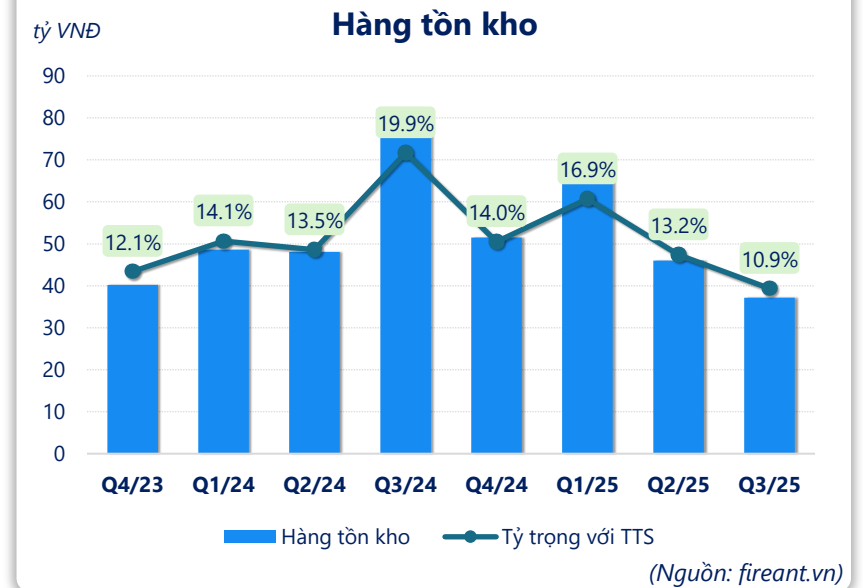
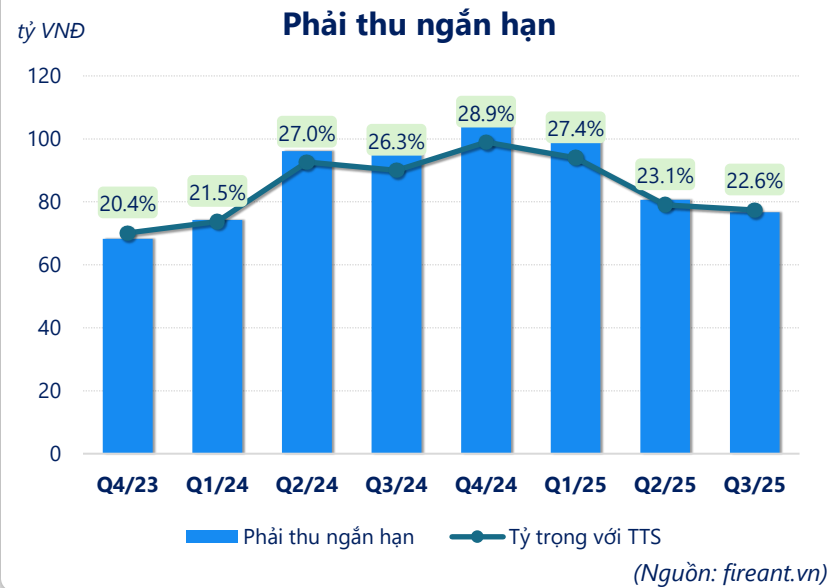
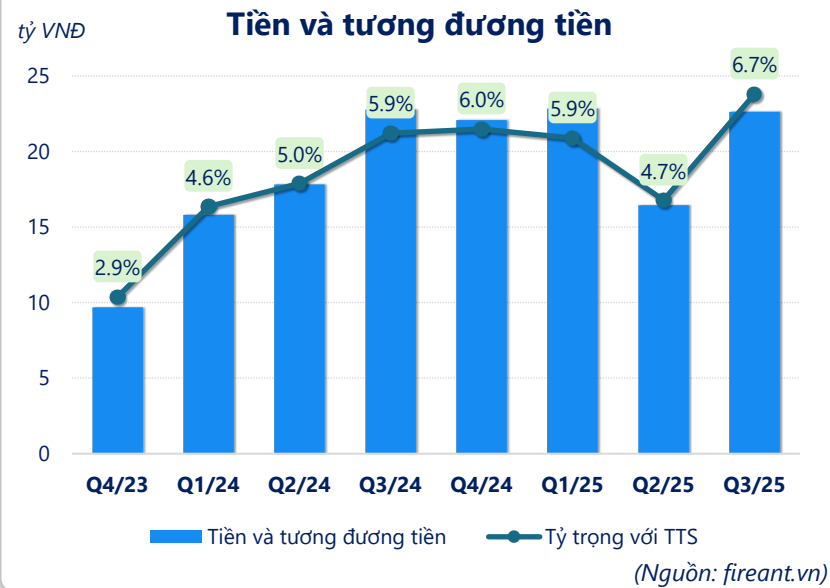
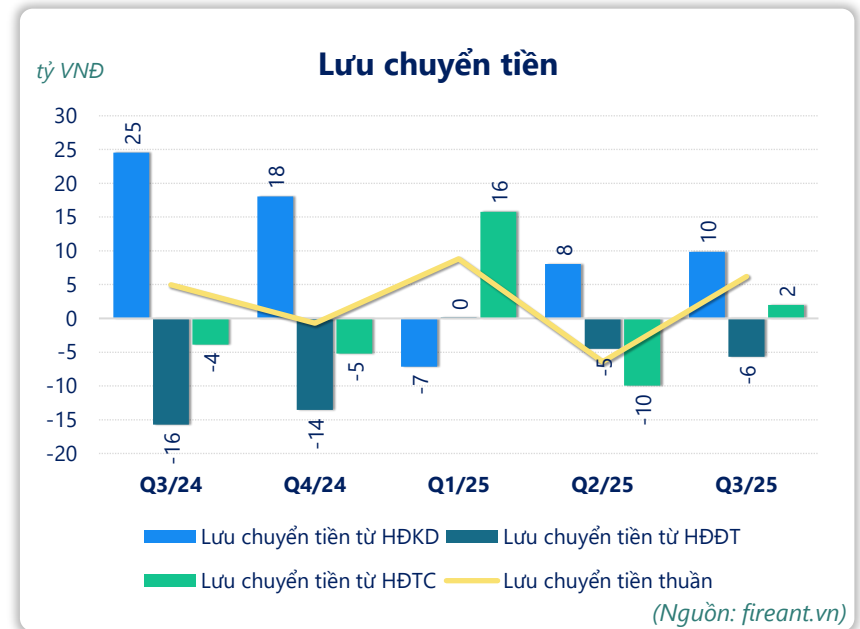
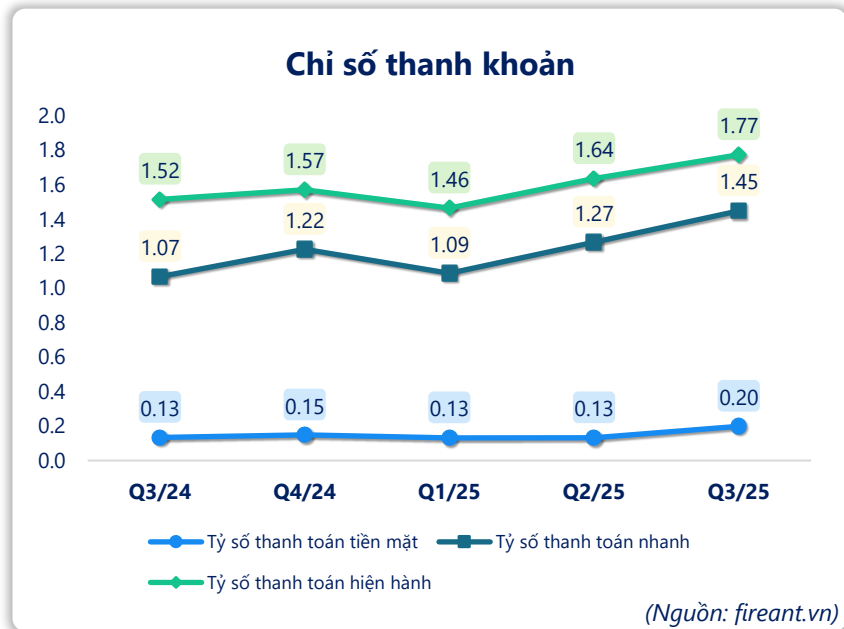
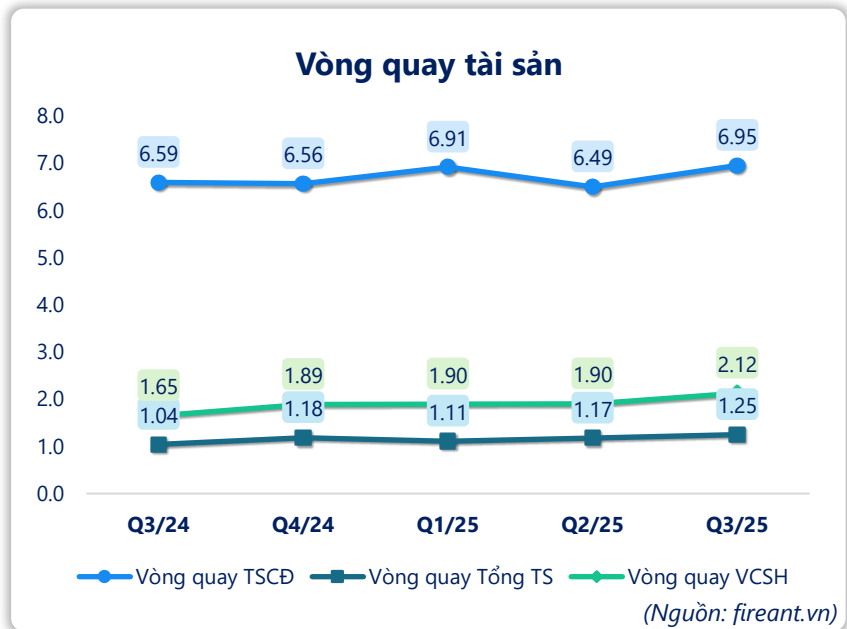
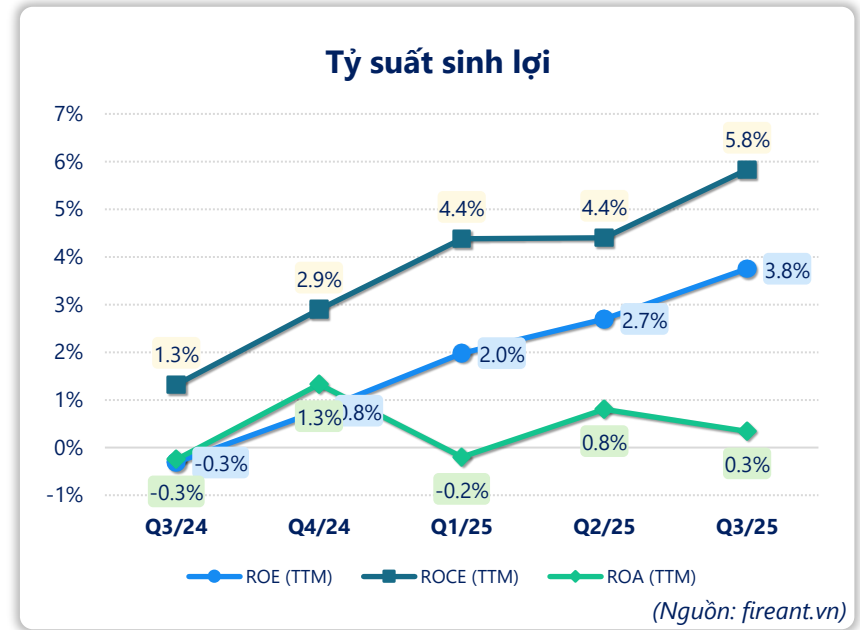
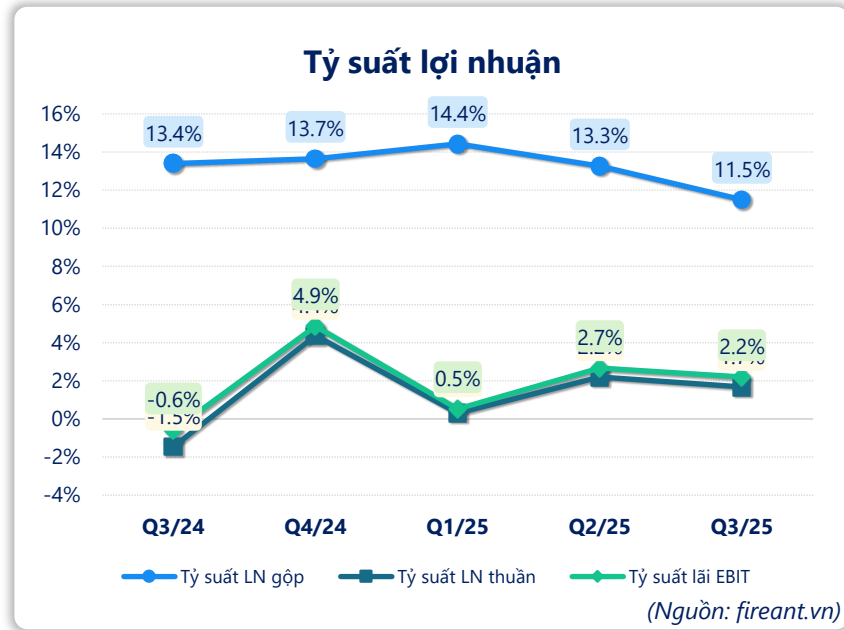
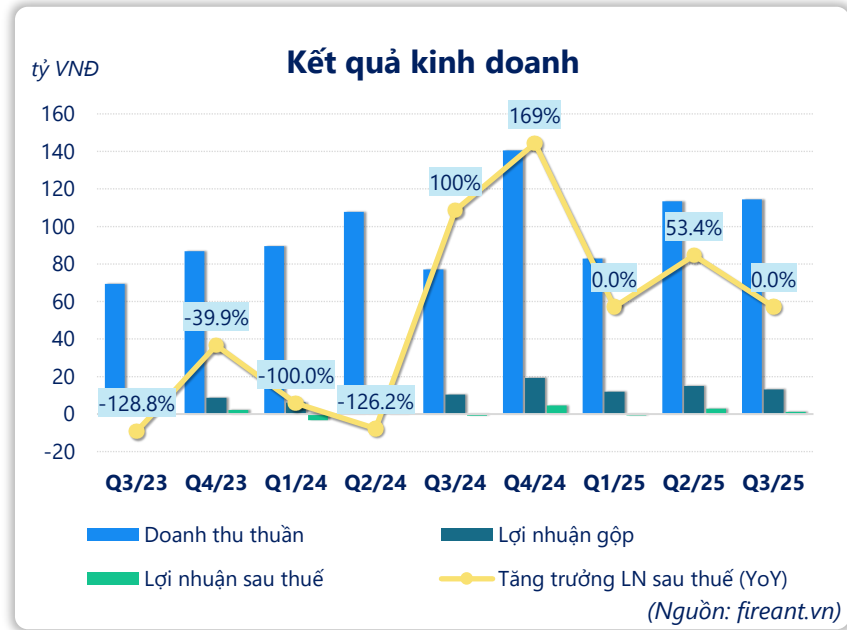


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,936
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,500
SL cổ phiếu LH		5,736,709
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,490
% sở hữu nước ngoài		3.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		70
P/E		8.8
EPS		1,389

	YTD	1T	3T	6T
ALT	3.9%	3.9%	-0.1%	-3.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	340	358	-5.2%
Tài sản ngắn hạn	202	227	-11.0%
Tiền và tương đương tiền	22.6	14.0	61.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	64.5	58.3	10.6%
Phải thu ngắn hạn	76.7	99.5	-23.0%
Hàng tồn kho	37.1	52.8	-29.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.40	2.60	-46.3%
Tài sản dài hạn	137	131	4.9%
Phải thu dài hạn	1.45	0.43	239%
Tài sản cố định	74.7	65.2	14.5%
Bất động sản đầu tư	23.9	30.5	-21.5%
Tài sản dở dang	1.71	2.13	-19.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	24.3	22.9	6.2%
Tài sản dài hạn khác	11.3	9.76	15.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	127	143	-11.1%
Nợ ngắn hạn	114	140	-18.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	39.2	31.7	23.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	44.9	60.4	-25.7%
Nợ dài hạn	13.3	3.38	293%
Vay và nợ thuê dài hạn	10.5	0.33	3133%
Nguồn vốn chủ sở hữu	212	215	-1.2%
Vốn chủ sở hữu	212	215	-1.2%
Vốn điều lệ	61.7	61.7	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	77.1	140	82.9	113	114
Giá vốn hàng bán	66.8	121	70.9	98.3	101
Lợi nhuận gộp	10.3	19.2	12.0	15.0	13.2
Doanh thu HĐTC	0.68	-0.20	0.81	0.91	1.42
Chi phí TC	1.12	1.36	0.74	1.05	1.02
Chi phí lãi vay	0.67	0.74	0.52	0.60	0.85
LN trong công ty LKLD	0.18	0.96	0.47	0.18	0.78
Chi phí bán hàng	4.14	4.95	6.38	4.76	5.47
Chi phí QLDN	7.05	7.48	5.87	7.82	6.96
LN thuần từ HĐKD	-1.12	6.14	0.25	2.49	1.91
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.05	-0.33	-0.06	-0.25
LN trước thuế	-1.13	6.09	-0.09	2.43	1.67
Lợi nhuận sau thuế	-0.87	4.65	-0.73	2.83	1.22
LNST của CĐ cty mẹ	-0.87	4.65	-0.73	2.83	1.22

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	24.5	18.0	-7.14	8.06	9.87
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.7	-13.5	0.15	-4.51	-5.68
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.87	-5.21	15.8	-9.96	2.00
Tiền đầu kỳ	17.8	22.8	14.0	22.8	16.4
Lưu chuyển tiền thuần	4.96	-0.69	8.81	-6.41	6.20
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.8	22.1	22.8	16.4	22.6

(Nguồn: fireant.vn)